

Bản án số: 27/2020/KDTM-ST

Ngày: 27/7/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tưởng Ngọc Tuấn

Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hà

Bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên toà: Ông Tô Mạnh Hà – Thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

*Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà Triệu Thị Hồng
– Kiểm sát viên.*

Ngày 27/7/2020, tại trụ sở TAND huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 28/2020/TLST-KDTM ngày 12/6/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐST-KDTM, ngày 20/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank); Địa chỉ: Số 191 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Việt Tuấn (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1967

2.2. Ông Phùng Xuân L, sinh năm 1966

Đều trú tại: Thôn An Thuận 1, xã Hữu Văn, huyện Chương Mỹ, Hà Nội

Đều có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Phùng Xuân H, sinh năm 1991

3.2. Anh Phùng Xuân T, sinh năm 1995

Đều trú tại: Thôn An Thuận 1, xã Hữu Văn, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án và quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa;Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

1. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Gọi tắt là Techcombank) ký kết hai Hợp đồng tín dụng với vợ chồng bà Bùi Thị Đ và ông Phùng Xuân L, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số: HTY20140300/HĐTD ngày 27/12/2014 và Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ. Nội dung cụ thể:

- + Số tiền Techcombank cho vợ chồng bà Đ ông L vay: 600.000.000 đồng
- + Mục đích vay vốn: Hộ kinh doanh vay món siêu tốc
- + Thời hạn: 84 tháng

- Lãi suất vay: Lãi suất linh hoạt như sau: lãi suất áp dụng trong thời gian 01 tháng kể từ ngày nhận nợ là 10,49%/năm, lãi suất áp dụng đối với khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 01 tháng một lần vào các ngày 15 hàng tháng và bằng lãi suất cơ sở hộ kinh doanh vay món dài hạn cộng biên độ 4,36%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Techcombank quy định theo từng thời kỳ tương ứng từng đối tượng khách hàng; thời hạn vay: 84 tháng

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đ ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 01/7/2016 là ngày trả nợ cuối cùng.

Sau khi vay, bà Đ ông L đã trả được cho Techcombank số tiền 184.389.570 đồng; trong đó nợ gốc 90.327.362 đồng; nợ lãi 94.062.208 đồng.

Như vậy vợ chồng bà Đ ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết trong Hợp đồng tín dụng Techcombank đã nhiều lần thông báo yêu cầu vợ chồng bà Đ ông L trả nợ nhưng ông bà chưa trả.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Ngày 27/7/2020 Techcombank có Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Rút yêu cầu buộc bà Đ ông L thanh toán cho Techcombank tiền phạt vi phạm hợp đồng số tiền 48.000.000đ.

- Rút yêu cầu buộc bà Đ ông L thanh toán cho Techcombank tiền lãi phạt, cụ thể như sau: 75.369.255 đồng (Lãi phạt tạm tính đến ngày 12/6/2020) và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2020 cho đến khi bà Đ ông L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông L, bà Đ phải trả cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 12/6/2020 tổng số tiền là: **828.276.439 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 509.672.638 đồng; Nợ lãi trong hạn: 164.645.134 đồng; Nợ lãi quá hạn: 153.958.667 đồng.**

Kể từ ngày 13/6/2020 vợ chồng bà Đ, ông L tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ: Các bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp số công chứng 1957.2014/TC-ĐĐ/TCB ngày 27/12/2014 tại Văn phòng Công chứng Đông Đô, thành phố Hà Nội; đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ ngày 27/12/2014. Theo đó tài sản đảm bảo cho khoản vay của bà Đ ông L là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 00, tờ bản đồ số 18.2014, địa chỉ: Thôn An Thuận 1, xã Hữu Văn, huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 496467, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00495 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 22/12/2014 cho bà Bùi Thị Đ.

Techcombank khẳng định việc ký Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp bà Đ ông L không trả được nợ, Techcombank yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

II. Bị đơn bà Bùi Thị Đ, ông Phùng Xuân L thống nhất trình bày:

1. Về nghĩa vụ trả nợ:

Bà Đ ông L thừa nhận đã ký Hợp đồng tín dụng số: HTY20140300/HĐTD ngày 27/12/2014 với ngân hàng Kỹ thương Việt Nam số tiền gốc là 600.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày.

Sau khi ký hợp đồng thì vợ chồng bà Đ ông L đã trả được cho Techcombank số tiền 90.327.362 đồng tiền gốc và 94.062.208 đồng tiền lãi. Sau đó vợ chồng ông bà làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ cho ngân hàng được. Ông bà xác nhận tính đến ngày 12/6/2020 thì ông bà còn nợ ngân hàng tổng số tiền là: 828.276.439 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 509.672.638 đồng; Nợ lãi trong hạn: 164.645.134 đồng; Nợ lãi quá hạn: 153.958.667 đồng.

Do chưa trả được nợ, ông bà đề nghị ngân hàng tạo điều kiện giãn thời gian để vợ chồng trả nợ dần vì hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn, sức khỏe yếu, công việc làm ăn gặp nhiều khó khăn.

2. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Bà Đ ông L xác nhận để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng trên, các bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp số công chứng 1957.2014/TC-ĐĐ/TCB ngày 27/12/2014 tại Văn phòng Công chứng Đông Đô, thành phố Hà Nội; đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ ngày 27/12/2014. Theo đó tài sản đảm bảo cho khoản vay của bà Đ ông L là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 00, tờ bản đồ số 18.2014, địa chỉ: Thôn An Thuận 1, xã Hữu Văn, huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 496467, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00495 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 22/12/2014 cho bà Bùi Thị Đ.

Bị đơn khẳng định việc ký Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là hoàn toàn tự nguyện và trực tiếp ký đúng quy định pháp luật. Khối tài sản thế chấp này thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của bà Đ ông L. Hiện trên khối tài sản thế chấp có bà Đ, ông L, anh Thành, anh Huấn và cháu Phùng Thị Phương Nhi là con anh Huấn cùng sinh sống, không cho ai mượn, không cho ai thuê, ở nhờ, không cầm cố thế chấp cho bất kỳ tổ chức cá nhân nào khác (ngoài Techcombank). Khối tài sản đã thế chấp vẫn nguyên trạng như khi thế chấp, có tình trạng đúng như “Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ” do Tòa án và chính quyền địa phương tiến hành.

III. Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Anh Phùng Xuân Huấn trình bày: Quá trình bà Đ, ông L làm thủ tục vay vốn tại ngân hàng Kỹ thương từ khi nào thì anh không biết, không ký kết văn bản giấy tờ gì. Nay quan điểm gì đình đề nghị hoàn trả ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại, và đề nghị miễn toàn bộ lãi cho gia đình anh do điều kiện làm ăn kinh tế gặp nhiều khó khăn.

Anh Phùng Xuân Thành có trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt do bận công việc.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ trình bày quan điểm:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án yêu cầu tham gia đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ;

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể:

- Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng là: 828.276.439 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 509.672.638 đồng; Nợ lãi trong hạn: 164.645.134 đồng; Nợ lãi quá hạn: 153.958.667 đồng.

- Xác định Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi hành.

- Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là bà Bùi Thị Đ ông Phùng Xuân L cư trú tại: Thôn An Thuận 1, xã Hữu Văn, huyện Chương Mỹ, Hà Nội; Việc Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thời điểm giao kết HĐTD, HĐTCTS, Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp. Tại phiên tòa ngày 20/7/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phùng Xuân Huân vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1.1 Xét tính hiệu lực của **Hợp đồng tín dụng số: HTY20140300/HĐTD** ngày 27/12/2014. Số tiền Techcombank cho vợ chồng bà Đ ông L vay 600.000.000 đồng, mục đích vay vốn hộ kinh doanh vay món siêu tốc. Nội dung của Hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật. Xác định Hợp đồng tín dụng số HTY20140300/HĐTD ngày 27/12/2014 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng.

2.1.2. Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả toàn bộ gốc, lãi phát sinh của nguyên đơn:

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam đã giải ngân cho bà Đ ông L vay đủ số tiền 600.000.000 đồng, ông L và Hà đã nhận đủ thông qua khế ước. Như vậy Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam đã thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.

Sau khi vay được tiền, ông L và bà Đ mới trả được 90.327.362 đồng nợ gốc và 94.062.208 đồng nợ lãi. Đến nay bà Đ ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ

theo các kỳ trả nợ quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy bà Đ ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam khởi kiện đề nghị buộc bà Đ ông L phải trả số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn còn lại theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kèm theo là có căn cứ pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đó, buộc bà Đ ông L phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam toàn bộ số tiền còn nợ cả gốc và lãi phát sinh của khoản vay tính đến 12/6/2020 tổng số tiền là: 828.276.436 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 509.672.638 đồng; Nợ lãi trong hạn: 164.645.134 đồng; Nợ lãi quá hạn: 153.958.667 đồng.

Kể từ ngày 13/6/2020, bà Đ ông L tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản:

Đối với yêu cầu đề nghị xử lý khối tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản.

Xét: Hợp đồng thế chấp số công chứng 1957.2014/TC-ĐĐ/TCB ngày 27/12/2014 tại Văn phòng Công chứng Đông Đô, thành phố Hà Nội, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ ngày 27/12/2014. Theo đó tài sản đảm bảo cho khoản vay của bà Đ ông L là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 00, tờ bản đồ số 18.2014, địa chỉ: Thôn An Thuận 1, xã Hữu Văn, huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 496467, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00495 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 22/12/2014 cho bà Bùi Thị Đ.

Khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp thì không bị ai ép buộc và trực tiếp ký. Hội đồng xét xử xác định: Các bên khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Theo đó thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp số công chứng 1957.2014/TC-ĐĐ/TCB ngày 27/12/2014 tại Văn phòng Công chứng Đông Đô, thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản.

Do vậy: Yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó trường hợp bà Đ ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng

TMCP Kỹ thương Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 00, tờ bản đồ số 18.2014, địa chỉ: Thôn An Thuận 1, xã Hữu Văn, huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 496467, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00495 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 22/12/2014 cho bà Bùi Thị Đ.

[3] Về án phí:Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 thì:

-Bà Đ ông L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 36.848.293 đồng.

-Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều: 290,342, 343, 355, 471, 474, 476, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 7 Điều 113, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ các Điều: 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

2. Về trách nhiệm trả nợ: Buộc bà Bùi Thị Đ bà ông Phùng Xuân L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số HTY20140300/HĐTD ngày 27/12/2014, tính đến ngày 12/6/2020 tổng số tiền là 828.276.439 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 509.672.638 đồng; Nợ lãi trong hạn: 164.645.134 đồng; Nợ lãi quá hạn: 153.958.667 đồng.

Kể từ ngày 13/6/2020 bà Đ ông L phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

3.1. Kể từ sau ngày bản án có hiệu lực, trường hợp bà Đ ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam thì Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 00, tờ bản đồ số 18.2014, địa chỉ: Thôn An Thuận 1, xã Hữu Văn, huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 496467, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 00495 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 22/12/2014 cho bà Bùi Thị Đ.

3.2. Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Đ ông L vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi còn lại cho ngân hàng đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

4. Về án phí:

4.1. Buộc bà Bùi Thị Đ ông Phùng Xuân L phải chịu 36.848.293 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4.2. Trả lại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam 12.680.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004848 ngày 12 tháng 6 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- THA huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Ngọc Tuấn